

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v: Yêu cầu ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quý Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Hồng Thảo.
2. Bà Lê Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Cao Thiên – Thư ký TAND huyện Đất Đỏ.

- Đại diện VKSND huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Khuê – kiểm sát viên.

Ngày 28-7-2023, tại trụ sở TAND huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 06-3-2023 về tranh chấp “yêu cầu ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXX-ST ngày 19-6-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/QĐ ngày 07-7-2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Hồng H, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: tổ 22 ấp Cây C, xã Láng D, huyện Đất Đỏ.

(Bà H có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* ông Hồ Huy C, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: tổ 22 ấp Cây C, xã Láng D, huyện Đất Đỏ.

(Ông C vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện ngày 24-3-2023 và quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Hồng H trình bày:* Bà H và ông Hồ Huy C chung sống vợ chồng vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân V, tp Biên H, tỉnh Đồng Nai, Bà H và Ông C tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới.

Sau khi kết hôn vợ chồng Bà H sống tại ấp Cây C, xã Láng D và hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau nên thường xảy ra xung đột. Hiện vợ chồng sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống không quan tâm lẫn nhau. Nay vì tình cảm vợ chồng không còn nên Bà H yêu cầu được ly hôn với Ông C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con tên Hồ Thụy Quỳnh H, sinh ngày 22-5-2010, Hồ Thụy Quỳnh A, sinh ngày 13-10-2016 và Hồ Thụy Quỳnh N, sinh ngày 21-10-2019 hiện các con đang ở với Bà H. Sau khi ly hôn Bà H xin được trực tiếp nuôi các con và không yêu cầu Ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* Trong quá trình tố tụng tại tòa án, bị đơn ông Hồ Huy C trình bày: Ông C thống nhất như lời trình bày của Bà H về thời gian và điều kiện kết hôn.

Vợ chồng Ông C chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì trầm trọng, nhưng vì không tin tưởng lẫn nhau nên Bà H yêu cầu ly hôn. Hiện vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống không quan tâm nhau và Ông C vẫn còn tình cảm với Bà H nên chưa muốn ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con tên Hồ Thụy Quỳnh H, sinh ngày 22-5-2010, Hồ Thụy Quỳnh A, sinh ngày 13-10-2016 và Hồ Thụy Quỳnh N, sinh ngày 21-10-2019 hiện các con đang chung với vợ chồng. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì Ông C đồng ý để các con cho Bà H nuôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Đại diện VKS phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Tòa án và các bên đương sự thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS.

+ Về nội dung: Ông C cho rằng vẫn còn thương vợ nhưng không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như không thuyết phục được Bà H quay lại chung sống, còn Bà H nhất định xin ly hôn. Trên cơ sở đó đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Hồng H được ly hôn với ông Hồ Huy C và Bà H được trực tiếp nuôi các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bà Đỗ Thị Hồng H và ông Hồ Huy C chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND phường Tân Vạn, tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Nay Bà H yêu cầu ly hôn với Ông C nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “yêu cầu ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nơi cư trú của Ông C tại xã Láng D, huyện Đất Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Bị đơn ông Hồ Huy C đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt Ông C.

[2] Về nội dung: Bà Đỗ Thị Hồng H và ông Hồ Huy C tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2010 nên hôn nhân này là hợp pháp. Theo Bà H, trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tôn trọng, không tin tưởng lẫn nhau, Ông C thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con nên thường xảy ra xung đột, mặc dù ở chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Nay vì tình cảm không còn nên Bà H yêu cầu được ly hôn còn Ông C không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn tình cảm với Bà H.

Qua nội dung vụ kiện, HĐXX nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ kiện, ngày 17-3-2023 Tòa án tiến hành hòa giải giữa các đương sự và Bà H yêu cầu được ly hôn còn Ông C yêu cầu cho thời gian 02 tháng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hết thời gian trên Ông C không hàn gắn được thì đồng ý ly hôn. Đến ngày 17-5-2023 Tòa án tiến hành hòa giải lần 2 nhưng Ông C không tham gia và tại phiên tòa hôm nay Ông C vắng mặt không có lý do. Nhận thấy Ông C không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như không có phương án để thuyết phục được Bà H quay lại chung sống. Từ đó cho thấy, vợ chồng Bà H Ông C chung sống không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận cho Bà H được ly hôn với Ông C.

- Về con chung: Bà H Ông C có 03 người con tên Hồ Thụy Quỳnh H, sinh ngày 22-5-2010, Hồ Thụy Quỳnh A, sinh ngày 13-10-2016 và Hồ Thụy Quỳnh N, sinh ngày 21-10-2019. Sau khi ly hôn Bà H xin được trực tiếp nuôi các con không yêu cầu Ông C cấp dưỡng. Xét thấy yêu cầu của Bà H phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Việc Bà H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện và không trái pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xét đến.

[3]. Về án phí: Bà H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Đỗ Thị Hồng H được ly hôn với ông Hồ Huy C.
2. Về con chung: bà Đỗ Thị Hồng H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con tên Hồ Thụy Quỳnh H, sinh ngày 22-5-2010, Hồ Thụy Quỳnh A, sinh ngày 13-10-2016 và Hồ Thụy Quỳnh N, sinh ngày 21-10-2019. Tạm thời Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, Bà H và Ông C đều có quyền, nghĩa vụ trông nom chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ, cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật HN và GD có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xét đến.

4. Về án phí: bà Đỗ Thị Hồng H phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 010162 ngày 27-02-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà H đã nộp đủ án phí. Ông C không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh BRVT xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT.
- VKSND h Đất Đỏ.
- THA h Đất Đỏ.
- UBND xã Láng D.
- Đương sự.
- Lưu Vphòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ.

Lê Quý Cường

